

Số: 05 /QĐ-PCTTTKCN

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Phương án Ứng phó thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2020**

TRƯỞNG BAN BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Kế hoạch số 288-KH/TU ngày 22/6/2020 thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ huy và Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-PCTTTKCN ngày 23/4/2020 của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh về kiện toàn và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh tại Tờ trình số 110/TTr-PCTTTKCN ngày 06/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Ứng phó thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng và các Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND, Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai;
- Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Chi cục PCTT Khu vực MT và TN;
- Lưu VPTT BCH.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Tăng Bính**

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 05 /QĐ-PCTTTKCN ngày 11 / 8 /2020
của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh)

PHẦN I: ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

I. Căn cứ pháp lý để xây dựng phương án

Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống thiên tai;

Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Kế hoạch số 288-KH/TU ngày 22/6/2020 thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Ban Chỉ huy và Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết định số 02/QĐ-PCTTTKCN ngày 23/4/2020 của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh về kiện toàn và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2020.

II. Điều kiện tự nhiên

Quảng Ngãi là tỉnh duyên hải miền Trung. Toàn tỉnh có 13 đơn vị hành



chính cấp huyện, bao gồm: 01 thành phố, 01 thị xã, 05 huyện đồng bằng, 05 huyện miền núi và 01 huyện đảo; với 173 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 148 xã, 17 phường và 08 thị trấn. Trong đó:

- Có 04 huyện, thị xã, thành phố gồm: Bình Sơn, Mộ Đức, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi tiếp giáp với biển, với tổng chiều dài bờ biển khoảng 130 km, vừa có một tiềm năng to lớn về kinh tế biển nhưng lại vừa tiềm ẩn mối nguy cơ do sóng, xâm thực gây nên tình trạng sạt lở ở ven bờ.

- Diện tích 05 huyện miền núi của tỉnh chiếm trên 62% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, có địa hình tương đối phức tạp, dân cư thưa thớt ít tập trung. Trên một số vùng do biến động địa chất đã xảy ra sạt lở và tiềm ẩn nguy cơ sạt lở làm ảnh hưởng tới tâm lý, đời sống sinh hoạt, tính mạng và tài sản của người dân.

- Đặc biệt, tỉnh có huyện đảo Lý Sơn nằm cách đất liền khoảng 15 hải lý về hướng Đông Bắc. Đây là địa điểm hết sức nhạy cảm với thiên tai trên biển như: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh, hạn hán và nguy cơ rủi ro cao về sóng thần. Vì vậy, Lý Sơn là địa bàn thường xuyên bị cô lập khi có thiên tai xảy ra nên thường gặp không ít khó khăn, nhất là trong mùa mưa, bão.

Mạng lưới sông suối phân bố tương đối dày và khá đồng đều trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có 04 con sông lớn, có tác động nhiều đến đời sống và sự phát triển kinh tế - xã hội, gồm sông: Trà Bồng, Trà Khúc, Vệ và Trà Câu. Tuy nhiên, các sông này có độ dốc tương đối lớn, thời gian tập trung nước nhanh, dòng chảy mạnh nên lũ, lụt, sạt lở thường xuyên xảy ra trong mùa mưa, bão hàng năm. Phần lớn dân cư sinh sống tập trung dọc theo các sông, suối nên nguy cơ rủi ro lũ, lụt rất cao.

III. Tình hình thiên tai năm 2019 và 06 tháng đầu năm 2020

Trong năm 2019, đã có 08 cơn bão, 04 ATNĐ xảy ra trên Biển Đông, 02 đợt mưa lũ và 11 cơn dông, lốc xảy ra trên địa bàn tỉnh, trong đó các đợt mưa, lũ sau bão số 5, số 6 đã gây nhiều thiệt hại cho người, tài sản trên địa bàn tỉnh.

Thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm 2019: 01 người chết, 21 người bị thương, 49 nhà bị thiệt hại hoàn toàn, 907 nhà bị hư hỏng, nhiều công trình giao thông, thủy lợi và cơ sở hạ tầng bị hư hỏng, tổng giá trị thiệt hại về kinh tế ước tính khoảng: 368.900 triệu đồng.

Đối với công tác tìm kiếm cứu nạn: Trong năm 2019, đã có 43 trường hợp tàu, thuyền và ngư dân của tỉnh gặp nạn trong quá trình khai thác, các vụ việc đã làm cho 03 người chết, 16 người bị thương, 07 tàu thuyền bị chìm

Trong 06 tháng đầu năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 01 đợt dông, lốc, sét tại xã Ba Tô, huyện Ba Tư, thiên tai đã làm cho 02 người chết, 03 người bị thương, 10 nhà bị sập đổ, 150 nhà bị hư hỏng, 06 ha rừng (keo) bị ngã đổ, 01 trụ sở cơ quan bị tốc mái hư hỏng.

IV. Xác định loại hình thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai có khả năng xảy ra tại địa phương

1. Đánh giá cấp rủi ro thiên tai cho các khu vực

a) Đối với bão:

Các cấp độ rủi ro được quy định tại Điều 3 Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai. Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, các khu vực bị ảnh hưởng đối với các cấp độ rủi ro thiên tai đối với bão, áp thấp nhiệt đới như sau:

Cấp độ rủi ro thiên tai	Vị trí hoạt động của bão	Khu vực ảnh hưởng
3	Bão mạnh cấp 10, cấp 11 hoạt động trên biển Đông, vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Bình Định).	<ul style="list-style-type: none"> - Các huyện bị ảnh hưởng trực tiếp: Bình Sơn, Mộ Đức, thị xã Đức Phổ, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi (trong đó tập trung tại 22 xã ven biển); - Các huyện bị ảnh hưởng gián tiếp: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.
4	<ul style="list-style-type: none"> - Bão mạnh cấp 12 đến cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Bình Định); - Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên biển Đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn tỉnh; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.
5	Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Bình Định).	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn tỉnh; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.

Thực tế còn tùy thuộc vào vị trí bão đổ bộ hoặc ảnh hưởng trực tiếp mà các huyện, thành phố bị ảnh hưởng nhiều hay ít, khi đó sẽ xác định cụ thể để phục vụ chỉ huy, chỉ đạo, triển khai biện pháp ứng phó phù hợp.

b) Đối với lốc, sét, mưa đá:

- Cấp độ 1, 2:

- Khu vực có khả năng xảy ra lốc, sét, mưa đá là bất kỳ khu vực nào trên địa bàn tỉnh, thời gian xảy ra nhiều nhất tập trung từ tháng 4 - 7 hàng năm.

c) Đối với lũ, ngập lụt:

	Trà Khúc	Vệ	Trà Bồng	Trà Câu
Cấp độ 1	BD2 - BD3	BD2 - BD3	BD3 - BD3+1m	BD3 - BD3+1m
Cấp độ 2	BD3 - BD3+1m	BD3 - BD3+1m	BD3+1m - Lũ lịch sử	BD3+1m - Lũ lịch sử
Cấp độ 3	BD3+1m - Lũ lịch sử	BD3+1m - Lũ lịch sử	Trên lũ lịch sử	Trên lũ lịch sử
Cấp độ 4	Trên lũ lịch sử	Trên lũ lịch sử		

- Cấp độ 1:

Mức nước lũ cao từ báo động 2 đến báo động 3 trên các sông: Trà Khúc, Vệ (tại các Trạm thủy văn: Tại Cầu Sông Vệ trên sông Vệ và Cầu Trà Khúc trên sông Trà Khúc).

Mức nước lũ cao từ báo động 3 đến trên báo động 3 khoảng 01m trên sông: Trà Bồng, Trà Câu (tại các Trạm thủy văn: Cầu Châu Ô trên sông Trà Bồng và Cầu Trà Câu trên sông Trà Câu).

Khu vực bị ảnh hưởng là các xã vùng hạ du ven sông Trà Khúc và Sông Vệ, thuộc địa bàn các huyện: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và các xã, phường ngoài khu vực trung tâm thành phố Quảng Ngãi; các xã vùng hạ du các sông: Trà Bồng, Trà Câu thuộc huyện Bình Sơn và thị xã Đức Phổ.

- Cấp độ 2:

Mức nước lũ cao từ báo động 3 đến trên báo động 3 khoảng 01m trên các sông: Trà Khúc, Vệ (tại các Trạm thủy văn: Tại Cầu Sông Vệ trên sông Vệ và Cầu Trà Khúc trên sông Trà Khúc).

Mức nước lũ cao từ trên báo động 3 khoảng 01m đến mức lũ lịch sử trên các sông: Trà Bồng, Trà Câu (tại các Trạm thủy văn: Cầu Châu Ô trên sông Trà Bồng và Cầu Trà Câu trên sông Trà Câu).

Khu vực bị ảnh hưởng là các xã vùng hạ du các sông nêu trên thuộc các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Đức Phổ, các xã, phường ngoài khu vực trung tâm thành phố Quảng Ngãi và các xã, thị trấn vùng thượng du ven các sông: Trà Bồng, Trà Khúc, Vệ thuộc các huyện: Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long.

- Cấp độ 3:

Mức nước lũ cao từ trên báo động 3 khoảng 01m đến mức lũ lịch sử trên các sông: Trà Khúc, Vệ (tại các Trạm thủy văn: Tại Cầu Sông Vệ trên sông Vệ và Cầu Trà Khúc trên sông Trà Khúc).

Mức nước lũ cao trên mức lũ lịch sử tại các sông Trà Bồng, Trà Câu (tại các Trạm thủy văn: Cầu Châu Ô trên sông Trà Bồng và Cầu Trà Câu trên sông Trà Câu).

Khu vực bị ảnh hưởng là các xã vùng hạ du các sông nêu trên thuộc các

huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành, thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi và các xã, thị trấn ở vùng thượng du ven các sông trên thuộc các huyện: Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long.

- Cấp độ 4:

Mức nước lũ cao trên mức lũ lịch sử tại các sông: Trà Khúc, Vệ.

Khu vực bị ảnh hưởng là các xã vùng hạ du các sông trên thuộc các huyện: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Nghĩa Hành, thành phố Quảng Ngãi và các xã, thị trấn ven lưu vực các sông Trà Khúc, Vệ thuộc các huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long.

Ngoài ra, mức rủi ro do lũ, lụt sẽ được tăng cấp khi có tác động tổ hợp các thiên tai khác (theo Khoản 6, Điều 10, Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ).

d) Đối với sạt lở đất: Khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng được xác định là tất cả các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Cấp độ rủi ro từ 1 đến 2, tùy theo diễn biến mưa tại các khu vực.

e) Đối với gió mạnh trên biển:

- Cấp độ 1: Ảnh hưởng chủ yếu các tàu, thuyền hoạt động trên biển.

- Cấp độ 2: Ngoài các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, đảo Lý Sơn và các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các cảng neo trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm.

- Cấp độ 3: Ngoài các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, đảo Lý Sơn, Khu Kinh tế Dung Quất và các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các khu neo trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm.

Đối với các loại hình thiên tai khác như: Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, động đất, sóng thần,... đã được quy định cụ thể tại Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai. Các khu vực bị ảnh hưởng tùy thuộc vào quy mô, diễn biến của các loại hình thiên tai này.

V. Đặc điểm dân sinh và xác định đối tượng dễ bị tổn thương

1. Dân cư: (Chi tiết có Biểu số 1 kèm theo)

- Dân số: 1.274.582 người.
- Thành phần dân tộc: Kinh, H're, Cadong, Cor.
- Số người ở độ tuổi lao động: 751.811 người.

2. Tình hình dân sinh: (Chi tiết có Biểu số 2 kèm theo)

- Tổng số hộ trên địa bàn tỉnh: 363.841 hộ.
- Tổng số hộ nghèo: 27.964 hộ.



- Tổng số hộ cận nghèo: 26.249 hộ.

3. Nhà ở: (Chi tiết có Biểu số 2 kèm theo)

- Nhà kiên cố: 162.917 cái.
- Nhà bán kiên cố: 126.389 cái.
- Nhà thiếu kiên cố: 25.799 cái.
- Nhà đơn sơ: 3.030 cái.

4. Các công trình có thể sơ tán dân đến (Chi tiết có Biểu số 3 kèm theo)

- Các điểm sơ tán tập trung được xác định như: Trụ sở UBND, Trạm Y tế, Trường học, Nhà cộng đồng, tổng số các điểm nêu trên có khả năng chứa được 411.921 người.

Ngoài ra, các ngôi nhà kiên cố tại địa bàn các thôn, xã cũng là nơi tránh trú an toàn cho nhân dân.

5. Các vị trí neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão hiện có

Hiện trên địa bàn tỉnh có 06 cảng neo trú dành cho các tàu, thuyền tránh trú bão. Tuy nhiên, các khu neo trú này chỉ đảm bảo tàu, thuyền có công suất dưới 600CV. Riêng các tàu, thuyền có công suất trên 600 CV, được hướng dẫn di chuyển đến các cảng neo trú tại các tỉnh bạn để đảm bảo an toàn:

TT	Tên cảng/ khu neo đậu	Sức chứa của khu vực neo đậu
1	Mỹ Á	Sức chứa 400 tàu có công suất đến 500 CV/chiếc
2	Sa Huỳnh	Sức chứa 500 tàu có công suất đến 600 CV/chiếc
3	Sa Kỳ - Cổ Lũy	Sức chứa 700 tàu có công suất đến 600 CV/chiếc
4	Sa Cần	Sức chứa 250 tàu có công suất đến 400 CV/chiếc
5	Lý Sơn	Sức chứa 400 tàu có công suất đến 400 CV/chiếc
6	Tịnh Hòa	Sức chứa 300 tàu có công suất đến 400 CV/chiếc

Tổng số lượng tàu thuyền có thể neo đậu tại các vị trí trên: 2.550 chiếc

PHẦN II: NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

I. Công tác chuẩn bị

1. Về chỉ huy

- Trưởng ban Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã ban hành: Quyết định số 02/QĐ-PCTTTCN ngày 23/4/2020 kiện toàn và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Kế hoạch số 49/KH-PCTTTCN ngày 21/4/2020 về kế hoạch công tác của Ban Chỉ huy PCTT và

TKCN tỉnh năm 2020.

- *Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1:*

+ Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó khi có thiên tai xảy ra.

+ Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ 2 xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã.

- *Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2:* Do Chủ tịch UBND tỉnh chỉ huy.

Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Nghị định số 160/2018/NĐ-CP; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

- *Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3, cấp độ 4:* Do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo.

Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ nêu trên phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

- *Ứng phó rủi ro thiên tai vượt cấp độ 4:* Được Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai; việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

2. Về thông tin liên lạc

- Số điện thoại thường trực: 0255.6255.588 hoặc 0255.3713.133;

- Số fax: 0255.3825.488;

- Địa chỉ email thường trực: phongchonglutbao@gmail.com;

- Số điện thoại của các thành viên chủ chốt:

+ Đồng chí Nguyễn Tăng Bình, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh
Phó Trưởng ban Thường trực: 0913.470.008.

+ Đồng chí Dương Văn Tô, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Phó Trưởng ban: 0914.091.008.

+ Đồng chí Võ Văn Bá, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Phó Trưởng ban: 0905 336 625.

+ Đồng chí Đoàn Thanh Long - Phó Chỉ huy trưởng BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh: 0989.229.956.



+ Đồng chí Võ Quốc Hùng, Chánh Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh: 0905.550.021.

3. Về lực lượng (Chi tiết có Biểu số 4 kèm theo)

- Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh: 31 người.
- Thành viên VPTT BCH PCTT và TKCN tỉnh : 16 người.
- Lực lượng quân sự: 7.608 người (Bộ đội thường trực: 495, DQTV: 5.687, Dự bị động viên: 1.498).
- Lực lượng biên phòng: 120 người.
- Lực lượng công an: 2.391 người (gồm lực lượng thường trực, xung kích, dự bị).
- Các lực lượng hiệp đồng (Hải quân Vùng 3, Cảnh sát biển 2, Sư đoàn BB10, CB7, BB307, BB315, CB270): 895 người.

4. Về vật tư, phương tiện (Chi tiết có Biểu số 5 kèm theo)

Biện pháp bố trí, sử dụng phương tiện, thiết bị (lưu ý vùng xung yếu):

Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị phục vụ công tác PCTT và TKCN cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện một số nội dung sau:

- Trong tháng 9/2020, tổ chức kiểm tra, vận hành chạy thử, duy tu, bảo dưỡng đảm bảo sẵn sàng hoạt động khi có yêu cầu.
- Bố trí phương tiện, thiết bị ứng trực đến địa bàn xung yếu được phân công trước khi bão đổ bộ hoặc có lũ trên mức báo động 3 khoảng 1m (địa bàn phân công ứng trực được quy định ở phần sau).
- Tổ chức chỉ huy, bố trí nhân sự đảm bảo vận hành trang thiết bị, máy móc ở nơi tập kết và hiện trường ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.
- Tổ chức tập kết, bảo quản vật tư, vật liệu phục vụ ứng phó các tình huống, thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng, số lượng đảm bảo yêu cầu cần thiết.

5. Về hậu cần

- Cấp tỉnh: Bố trí kinh phí từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh. Phương án dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm ở cấp tỉnh do Sở Công Thương ban hành.

- Cấp huyện: Tổ chức dự trữ lương thực, nước uống đảm bảo cứu trợ trong các tình huống (các hình thức dự trữ có thể thực hiện như: dự trữ tại kho, hợp đồng cung ứng chủ động với các cơ sở sản xuất – kinh doanh, lưu ý dự trữ ở những địa bàn thường xuyên bị chia cắt, cô lập,...).

- Cấp xã: Tổ chức dự trữ hoặc hợp đồng cung ứng chủ động với các cơ sở sản xuất - kinh doanh, vận động nhân dân tự dự trữ trong gia đình lương lương thực đảm bảo sử dụng tối thiểu trong 15 ngày.

- Các mặt hàng dự trữ, cung ứng thiết yếu như: Gạo, mì tôm gói, bánh mì, bánh ngọt các loại, nước uống đóng chai,...

** Để việc chuẩn bị vật tư, phương tiện và hậu cần đảm bảo thuận lợi, các địa phương chủ động phối hợp với các chủ phương tiện, siêu thị, cửa hàng tạp hóa để ký kết hợp đồng nguyên tắc về cung ứng hàng hóa, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn.*

III. Phương án tìm kiếm cứu nạn

1. Khu vực đất liền: Do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn trên sông, đất liền) xây dựng, ban hành.

2. Khu vực biển, biên giới biển và vùng nước cảng biển: Do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn trên biển, khu vực biên giới biển) xây dựng, ban hành.

3. Nguyên tắc và tổ chức cứu hộ, cứu nạn

- Nguyên tắc trong việc tổ chức cứu hộ, cứu nạn: đảm bảo an toàn tuyệt đối cho lực lượng tham gia, cứu hộ, cứu nạn; tổ chức khẩn trương, kịp thời.

- Khi có thông tin về tai nạn trong thiên tai, Đội xung kích Phòng, chống thiên tai tổ chức thực hiện các biện pháp ứu hộ, cứu nạn, sơ cứu,...; thông tin, báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất hỗ trợ từ cấp trên.

- Nhận thông tin yêu cầu hỗ trợ, người chỉ huy điều động lực lượng, phương tiện TKCN cấp huyện, tỉnh xuống ngay địa bàn để hỗ trợ kịp thời các lực lượng tại chỗ. Trong trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra khi thiên tai đang diễn biến mạnh, phức tạp thì việc tổ chức cứu hộ, cứu nạn phải dựa trên đặc điểm tình hình thực tiễn và năng lực cứu hộ, cứu nạn hiện có để triển khai nhiệm vụ trên tinh thần đảm bảo nguyên tắc về an toàn.

IV. Các Phương án khác

- Phương án đảm bảo an toàn hồ chứa nước; phương án bảo đảm an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển khi có thiên tai xảy ra: do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng.

- Phương án đảm bảo an toàn thông tin liên lạc: do Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng.

- Phương án đảm bảo giao thông, khắc phục sự cố các tuyến đường giao thông trong và sau thiên tai: do Sở Giao thông vận tải xây dựng.

- Phương án dự trữ hàng hóa, nhu yếu phẩm để ứng phó thiên tai: do Sở Công Thương xây dựng.

- Phương án vận hành hệ thống lưới điện: do Công ty Điện lực Quảng Ngãi xây dựng.

IV. Phương án di dời, sơ tán dân phòng tránh thiên tai

1. Xác định vùng trọng điểm



a) Đối với bão: Vùng trọng điểm ảnh hưởng bão là 22 xã và huyện Lý Sơn gồm:

- Huyện Bình Sơn gồm 07 xã: Bình Thạnh, Bình Đông, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Hải, Bình Phú, Bình Châu.

- Thành phố Quảng Ngãi gồm 04 xã: Tịnh Khê, Tịnh Kỳ, Nghĩa An, Nghĩa Phú.

- Huyện Mộ Đức gồm 05 xã: Đức Lợi, Đức Thắng, Đức Chánh, Đức Minh, Đức Phong.

- Thị xã Đức Phổ gồm 06 xã, phường: Phổ An, Phổ Quang, Phổ Vinh, Phổ Khánh, Phổ Thạnh, Phổ Châu.

- Huyện Lý Sơn.

b) Đối với lũ, ngập lụt: các địa bàn có nguy cơ cao gồm:

+ Huyện Bình Sơn gồm các xã: Bình Minh, Bình Chương, Bình Mỹ, Thị trấn Châu Ổ,...

+ Huyện Sơn Tịnh gồm các xã: Tịnh Minh, Tịnh Sơn,...

+ Huyện Tư Nghĩa gồm các xã: Nghĩa Hiệp, Nghĩa Phương, Nghĩa Mỹ, Nghĩa Kỳ,...

+ Huyện Nghĩa Hành gồm các xã: Hành Tín Đông, Hành Tín Tây, Hành Thiện, Hành Phước, Hành Thịnh, Hành Dũng, Hành Nhân,...

+ Huyện Mộ Đức gồm các xã: Đức Phong, Đức Hòa, Đức Hiệp, Đức Nhuận,...

+ Huyện Đức Phổ gồm các xã: Phổ Ninh, Phổ Minh, Phổ Văn,...

+ Thành phố Quảng Ngãi gồm các xã: Tịnh An, Nghĩa Đông, Nghĩa Dũng,...

+ Huyện Sơn Hà gồm các xã: Sơn Linh, Sơn Giang,...

c) Sạt lở đất: Trọng điểm là các xã thuộc các huyện miền núi: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng.

2. Phương án sơ tán dân phòng, tránh bão

c) Cấp độ 3 (bão 10 - 11):

Số hộ/ khẩu cần di dời, sơ tán: **25.555 hộ/ 95.527 khẩu**, gồm:

- Huyện Bình Sơn: 7.593 hộ/ 26.420 khẩu.

- Huyện Sơn Tịnh: 800 hộ/ 2.809 khẩu.

- Huyện Nghĩa Hành: 375 hộ/ 1.208 khẩu.

- Huyện Mộ Đức: 3.893 hộ/ 13.814 khẩu.

- Huyện Đức Phổ: 2.616 hộ/ 9.954 khẩu.

- Huyện Trà Bồng: 3.983 hộ/ 17.978 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 2.192 hộ/ 6.845 khẩu.
- Huyện Sơn Tây: 68 hộ/ 277 khẩu.
- Huyện Minh Long: 150 hộ/ 415 khẩu.
- Huyện Ba Tơ: 587 hộ/ 2.057 khẩu.
- Huyện Lý Sơn: 138 hộ/ 522 khẩu.
- TP Quảng Ngãi: 3.160 hộ/ 13.228 khẩu.

d) Cấp độ 4 (bão cấp 12 - 15):

Số hộ/ khẩu cần di dời, sơ tán: **53.898 hộ/ 201.798 khẩu**, gồm:

- Huyện Bình Sơn: 25.059 hộ/ 93.326 khẩu.
- Huyện Sơn Tịnh: 1.443 hộ/ 5.227 khẩu.
- Huyện Nghĩa Hành: 808 hộ/ 2.505 khẩu.
- Huyện Mộ Đức: 7.751 hộ/ 29.608 khẩu.
- Thị xã Đức Phổ: 3.560 hộ/ 13.403 khẩu.
- Huyện Trà Bồng: 4.313 hộ/ 17.196 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 3.859 hộ/ 13.287 khẩu.
- Huyện Sơn Tây: 68 hộ/ 277 khẩu.
- Huyện Minh Long: 1.404 hộ/ 5.436 khẩu.
- Huyện Ba Tơ: 616 hộ/ 2.173 khẩu.
- Huyện Lý Sơn: 287 hộ/ 1.105 khẩu.
- Tp. Quảng Ngãi: 4.730 hộ/ 20.255 khẩu.

e) Cấp độ 5 (Siêu bão, cấp 16 trở lên)

Số hộ/ khẩu cần di dời, sơ tán: **81.044 hộ/ 304.116 khẩu**, gồm:

- Huyện Bình Sơn: 25.059 hộ/ 93.326 khẩu.
- Huyện Sơn Tịnh: 1.564 hộ/ 5.678 khẩu.
- Huyện Tư Nghĩa: 4.390 hộ/ 14.902 khẩu.
- Huyện Nghĩa Hành: 1.630 hộ/ 5.144 khẩu.
- Huyện Mộ Đức: 17.059 hộ/ 67.341 khẩu.
- Thị xã Đức Phổ: 4.516 hộ/ 16.446 khẩu.
- Huyện Trà Bồng: 4.399 hộ/ 16.740 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 5.441 hộ/ 20.572 khẩu.
- Huyện Sơn Tây: 68 hộ/ 277 khẩu.

- Huyện Minh Long: 1.404 hộ/ 5.436 khẩu.
- Huyện Ba Tư: 1.850 hộ/ 6.612 khẩu.
- Huyện Lý Sơn: 2.828 hộ/ 11.989 khẩu.
- Tp Quảng Ngãi: 10.836 hộ/ 41.653 khẩu.

(Cụ thể có Biểu 6 kèm theo)

3. Phương án sơ tán dân phòng tránh lũ, ngập lụt

Số lượng dân cư cần di dời, sơ tán như sau:

a) Lưu vực sông Trà Bồng

a1) Mức báo động 3

- Huyện Trà Bồng: 122 hộ/ 464 khẩu.

a2) Mức báo động 3+1m: 5.443 hộ/ 19.327 khẩu, gồm:

- Huyện Trà Bồng: 122 hộ/ 464 khẩu.
- Huyện Bình Sơn: 5.321 hộ/ 18.863 khẩu.

a2) Mức báo động 3+2m: 5.443 hộ/ 19.327 khẩu, gồm:

- Huyện Trà Bồng: 122 hộ/ 464 khẩu.
- Huyện Bình Sơn: 5.321 hộ/ 18.863 khẩu.

a4) Mức lũ lịch sử: 8.847 hộ/ 32.112 khẩu, gồm:

- Huyện Trà Bồng: 122 hộ/ 464 khẩu.
- Huyện Bình Sơn: 8.725 hộ/ 31.648 khẩu.

b) Lưu vực sông Trà Khúc

b1) Mức báo động 3: 1.222 hộ/ 4.929 khẩu, gồm:

- Huyện Sơn Tịnh: 828 hộ/ 3.083 khẩu.
- Thành phố Quảng Ngãi: 394 hộ/ 1.846 khẩu.

b2) Mức báo động 3+1m: 3.995 hộ/ 14.629 khẩu, gồm:

- Huyện Sơn Tịnh: 1.134 hộ/ 4.018 khẩu.
- T.phố Quảng Ngãi: 1.537 hộ/ 5.890 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 1.324 hộ/ 4.721 khẩu.

b3) Mức báo động 3 + 2m: 5.102 hộ/ 19.283 khẩu, gồm:

- Huyện Sơn Tịnh: 1.613 hộ/ 6.225 khẩu.
- T.phố Quảng Ngãi: 2.081 hộ/ 7.983 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 1.408 hộ/ 5.075 khẩu.

b4) Mức lũ lịch sử: 6.491 hộ/ 25.291 khẩu, gồm:

- Huyện Sơn Tịnh: 1.688 hộ/ 7.804 khẩu.
- Thành phố Quảng Ngãi: 3.395 hộ/ 12.412 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 1.408 hộ/ 5.075 khẩu.

c) Lưu vực sông Vệ

c1) Mức báo động 3: 410 hộ/ 1.608 khẩu, gồm:

- Huyện Ba Tơ: 04 hộ/ 13 khẩu.
- Huyện Nghĩa Hành: 128 hộ/ 528 khẩu.
- Huyện Tư Nghĩa: 278 hộ/ 1.067 khẩu.

c2) Mức báo động 3+1m: 5.510 hộ/ 20.104 khẩu, gồm:

- Huyện Ba Tơ: 11 hộ/ 33 khẩu.
- Huyện Mộ Đức: 2.603 hộ/ 10.004 khẩu.
- Huyện Nghĩa Hành: 780 hộ/ 2.264 khẩu.
- Huyện Tư Nghĩa: 2.095 hộ/ 7.803 khẩu.

c3) Mức báo động 3+2m: 15.375 hộ/ 57.846 khẩu, gồm:

- Huyện Ba Tơ: 12 hộ/ 37 khẩu.
- Huyện Mộ Đức: 9.201 hộ/ 36.297 khẩu.
- Huyện Nghĩa Hành: 1.695 hộ/ 4.682 khẩu.
- Huyện Tư Nghĩa: 4.467 hộ/ 16.820 khẩu.

c4) Mức lũ lịch sử: 16.067 hộ/ 60.115 khẩu, gồm:

- Huyện Ba Tơ: 12 hộ/ 37 khẩu.
- Huyện Mộ Đức: 9.201 hộ/ 36.297 khẩu.
- Huyện Nghĩa Hành: 2.387 hộ/ 6.951 khẩu.
- Huyện Tư Nghĩa: 4.467 hộ/ 16.820 khẩu.

d) Lưu vực sông Trà Câu (huyện Đức Phổ):

- Mức báo động 3: 689 hộ/ 2.455 khẩu.
- Mức báo động 3 + 1m: 1.063 hộ/ 3.662 khẩu.
- Mức báo động 3 + 2m: 1.155 hộ/ 4.116 khẩu.
- Mức lũ lịch sử: 1.748 hộ/ 6.122 khẩu.

(Cụ thể có Biểu 7 kèm theo)

4. Phương án sơ tán dân phòng, tránh sạt lở đất: có 1.989 hộ/ 7.660 khẩu nằm trong khu vực có nguy cơ cao, gồm:

- Huyện Minh Long: 4 hộ/ 14 khẩu.
- Huyện Ba Tơ: 569 hộ/ 2.223 khẩu.



- Huyện Trà Bồng: 446 hộ/ 1.618 khẩu.
- Huyện Sơn Tây: 352 hộ/ 1.381 khẩu.
- Huyện Sơn Hà: 347 hộ/ 1.467 khẩu.
- Huyện Lý Sơn: 95 hộ/ 350 khẩu.
- TP. Quảng Ngãi: 176 hộ/ 607 khẩu.

(Cụ thể có Biểu 8 kèm theo)

VI. Tổ chức thực hiện

Các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện chế độ trực ban đầy đủ, chủ động ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý và thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm được giao theo quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai, Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và theo các tình huống thiên tai được nêu cụ thể trong Phương án Ứng phó thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

1. Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Chủ động theo dõi tình hình diễn biến của thiên tai, phối hợp với các địa phương, đơn vị được giao phụ trách để hỗ trợ chính quyền địa phương và người dân các biện pháp phòng, chống thiên tai phù hợp.
- Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Trưởng ban xử lý các tình huống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xảy ra trên địa bàn,

2. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện phương án. Chủ động xây dựng phương án chi tiết để ứng phó với các đợt thiên tai xảy ra cụ thể.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn hỗ trợ các địa phương trong việc tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn Quảng Ngãi theo dõi thường xuyên tình hình thời tiết, diễn biến thiên tai, kịp thời ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Trưởng Ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh các văn bản, Công điện chỉ đạo phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí, nhu yếu phẩm hỗ trợ các địa phương để cứu trợ khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh giao.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương thu hoạch hoa màu, chủ động triển khai các biện pháp giảm thiểu thiệt hại đối với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi.

- Theo dõi chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi, UBND các huyện, thành phố chủ động tích nước và vận hành an toàn các hồ chứa thủy lợi, triển khai các biện pháp bảo vệ đề điều, hồ đập và công trình thủy lợi.

4. Sở Công Thương

- Chỉ đạo các chủ công trình thủy điện, đặc biệt là các hồ chứa thủy điện Đắc Đrinh, Đắc Đre, Hà Nang, Sơn Trà 1... tổ chức tích nước và vận hành an toàn công trình, đảm bảo thực hiện nghiêm túc nội dung các Phương án Ứng phó thiên tai và Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền duyệt.

- Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn hệ thống truyền tải điện, lưới điện, sẵn sàng khắc phục nhanh nhất sự cố, hỗ trợ nhân dân ổn định đời sống.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ động tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ đạo thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Trà Khúc; tổ chức xử lý môi trường, khắc phục sự cố môi trường tại vùng lũ.

6. Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh

Tổ chức kiểm tra, rà soát các vị trí thường xuyên bị sạt lở, ngập lụt trên tuyến Quốc lộ 1A, các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh để triển khai ngay các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, duy trì giao thông thông suốt. Bố trí sẵn sàng nhân lực, phương tiện để kịp thời ứng phó, xử lý khi có sự cố xảy ra.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo Hiệu trưởng, Giám đốc các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh, tùy theo tình hình thực tế tại địa bàn chủ động cho học sinh, sinh viên nghỉ học trong thời gian có lũ để đảm bảo an toàn.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành ứng phó với mưa, lũ.

9. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng

và công nghiệp tỉnh chủ động theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, sẵn sàng triển khai phương án đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và công trình đang thi công, bố trí điểm dừng kỹ thuật hợp lý tại các công trình đang thi công dở dang.

10. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh, Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất thông báo và hướng dẫn các đơn vị, cơ sở sản xuất chủ động tổ chức các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động, cơ sở, thiết bị của đơn vị.

11. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh sẵn sàng lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn để kịp thời hỗ trợ các địa phương; đồng thời chỉ đạo các lực lượng vũ trang tại cơ sở chủ động phối hợp với UBND các địa phương thực hiện ứng phó mưa, lũ kịp thời. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, điều phối các lực lượng hiệp đồng của Bộ và Quân khu để hỗ trợ các địa phương theo kế hoạch.

12. Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi, Báo Quảng Ngãi, Đài Khí tượng Thủy văn Quảng Ngãi thường xuyên thông tin về diễn biến mưa, lũ trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân và chính quyền địa phương chủ động theo dõi và tổ chức phòng chống mưa, lũ có hiệu quả.

13. Các sở, ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của sở, ban, ngành, sẵn sàng lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai khi có chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

14. UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố

- Chủ động triển khai kế hoạch di dời, sơ tán dân theo các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn; đề xuất Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh hỗ trợ trong các trường hợp vượt quá khả năng của địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan ứng phó thiên tai, xử lý các sự cố và tham gia tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Hội, Đoàn thể tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh (qua Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh) trong việc huy động nguồn lực, phân bổ các nguồn hàng hóa, nhu yếu phẩm và tài chính hỗ trợ các địa phương phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

Trên đây là nội dung Phương án ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, yêu cầu các địa phương, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Điều tra Dân cư tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Phụ lục 1 và 2 và TKN tỉnh Quảng Ngãi năm 2020)



TT	Huyện, thành phố	Dân tộc (người)			Cao tuổi (người)	Trẻ em (người)	Phụ nữ (người)	Neo đơn (người)	Khuyết tật (người)
		Kinh	DT khác	Lao động (người)					
1	Bình Sơn	180.393	657	107.666	6.197	42.652	90.859	1.013	3.742
2	Sơn Tịnh	89.158	9	50.292	9.845	19.064	35.805	485	2.257
3	Tur Nghĩa	129.498	2.479	76.732	13.761	33.827	52.132	403	2.454
4	Nghĩa Hành	91.069	1.155	50.741	8.515	11.054	39.900	791	1.658
5	Mộ Đức	112.522	70	84.392	11.445	26.768	57.582	126	5.004
6	Thị xã Đức Phổ	152.929	31	82.602		63.453	77.087	97	1.080
7	Trà Bồng	17.667	35.330	36.903	5.052	16.018	26.283	443	959
8	Sơn Hà	13.349	65.138	42.776	1.292	24.000	29.416	679	803
9	Sơn Tây	1.889	18.736	11.105	918	5.649	7.920	98	184
10	Minh Long	4.992	12.255	7.153	1.802	5.635	7.271	33	192
11	Ba Tơ	10.094	50.321	35.706	5.251	15.139	21.909	357	551
12	Lý Sơn	23.424		13.608	2.839	6.475	9.359	127	549
13	TP Quảng Ngãi	261.417		152.135	31.375	61.232	132.170	277	5.125
	Tổng số:	1.088.401	186.181	751.811	161.745	267.513	587.693	4.929	24.558

Biểu 02: Dân sinh và Nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi - Năm 2020
 (Số liệu theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2020)



TT	Huyện	Dân sinh					Nhà ở			
		Tổng số hộ trên địa bàn	Số dân SX Nông-Lâm-Ngư (hộ)	Số dân phi NN (hộ)	Số hộ nghèo (hộ)	Số hộ cận nghèo (hộ)	Nhà kiên cố (nhà)	Nhà bán kiên cố (nhà)	Nhà thiếu kiên cố (nhà)	Nhà đơn sơ (nhà)
1	Bình Sơn	58.879			3.061	4.239	51.075	1.079	3.408	
2	Sơn Tịnh	26.284			576	1.061	1.327	5	1.307	26
3	Tur Nghĩa	38.148			892	2.196	17.800	14.140	1.485	818
4	Nghĩa Hành	25.672			1.448	2.628	11.992	10.548	1.214	109
5	Mộ Đức	35.042	24.124	9.624	1.822	2.821	6.577	20.690	6.633	4
6	Thị xã Đức Phổ	40.000	26.906	13.094	1.838	2.871	26.024	10.276	243	100
7	Trà Bồng	13.863	10.425	3.532	5.345	3.197	1.480	10.004	1.856	
8	Sơn Hà	21.918	17.124	2.953	4.605	1.805	7.329	11.814	2.101	1.282
9	Sơn Tây	5.580			2.095	454	2.845	1.697	521	104
10	Minh Long	5.045			910	106	1.588	3.000	168	26
11	Ba Tư	17.067	14.451	2.262	3.808	2.189	6.846	7.892	1.048	246
12	Lý Sơn	6.224	3.791	1.690	442	303	1.720	2.315	820	120
13	TP Quảng Ngãi	70.119			1.122	2.379	26.314	32.929	4.995	172
	Tổng số:	363.841	96.821	33.155	27.964	26.249	162.917	126.389	25.799	3.007

* Hướng dẫn phân loại nhà của Bộ Xây dựng:

- Nhà kiên cố là nhà có 3 kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc (BTCT, xây gạch đá, sắt, thép, gỗ bền chắc).
- Nhà bán kiên cố là nhà có 2 trong 3 kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc.
- Nhà thiếu kiên cố là nhà có 1 trong 3 kết cấu chính: cột, mái, tường được làm bằng vật liệu bền chắc (BTCT, xây gạch đá, sắt, thép, gỗ bền chắc).
- Nhà đơn sơ là nhà có cả 3 kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu không bền chắc (gỗ tạp, tre, ngói, tấm lợp, lá, rơm, rạ, đất, phiến, liếp, ván ép,...).



Biểu 03: Công trình có thể sơ tán dân đến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi - Năm 2020
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2020)

STT	Huyện/thành phố	Số điểm công trình sơ tán tập trung (điểm)	Sức chứa (người)	Ghi chú
1	Bình Sơn		80.801	Trụ sở cơ quan, nhà máy, trạm y tế, trường học, khách sạn, nhà dân kiên cố
2	Sơn Tịnh		32.993	Trụ sở UBND xã, HTX, nhà văn hóa thôn, trạm y tế, trường học và nhà dân kiên cố
3	Tur Nghĩa		51.444	Trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, nhà dân kiên cố
4	Nghĩa Hành		28.580	Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn, trạm y tế, trường học.
5	Mộ Đức		47.109	Các trụ sở cơ quan hành chính huyện, xã, các trường học, Bệnh viện, các Trạm Y tế, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, nhà tránh lũ, nhà dân kiên cố.
6	Thị xã Đức Phổ	203	11.650	Trụ sở UBND các xã, và thị trấn, trường học, Trụ sở UBND huyện, Đồn Biên phòng, Trạm Kiểm soát Biên phòng Mỹ Á
7	Trà Bồng	83	18.270	Trụ sở các cơ quan, trường học, trường Mẫu giáo thôn, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, nhà văn hóa xã và nhà dân kiên cố
8	Sơn Hà	209	32.400	Trụ sở UBND các xã, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa thôn.
9	Sơn Tây		2.400	Trụ sở UBND xã, trường tiểu học, trường mẫu giáo, nhà văn hóa thôn và nhà dân kiên cố
10	Minh Long			Trụ sở UBND xã, trường tiểu học, trường mẫu giáo, nhà văn hóa thôn và nhà dân kiên cố
11	Ba Tơ	238	41.190	Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn, trạm y tế, trường học và nhà dân kiên cố
12	Lý Sơn		3.484	Trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa thôn, khách sạn và nhà dân kiên cố
13	Thành phố Quảng Ngãi		61.600	Trụ sở cơ quan, trường học, khách sạn lớn trên địa bàn thành phố
	Tổng số:	733	411.921	



Biên 04: Lực lượng PCTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi - Năm 2020
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2020)

STT	Lực lượng tại chỗ	Số lượng (người)	Ghi chú
I	Cấp tỉnh	8.920	
1	Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	31	
2	Thành viên VPTT BCH PCTT và TKCN	16	
3	Quân sự	7.608	
4	Biên phòng	120	
5	Công an	250	
9	Các lực lượng hiệp đồng khác	895	Hải quân Vùng 3, Cảnh sát biển 2, Sư đoàn BB10, CB7, BB307, BB315, CB270
II	Cấp huyện	1.512	
1	Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	390	
2	Thành viên VPTT BCH PCTT và TKCN	65	
3	Quân sự	280	
4	Biên phòng	75	
5	Công an	260	
6	Đoàn thanh niên (TNXK)	390	
7	Hội Chữ thập đỏ	26	
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ	26	
III	Cấp xã	11.245	
1	Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	3.460	
2	Đội xung kích PCTT	6.920	
3	Công an	519	
7	Hội Chữ thập đỏ	173	
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ	173	
	Tổng số:	21.677	



Biểu 05: TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2020)

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Xe cứu hộ	Chiếc	37
2	Xe tải	Chiếc	38
3	Ca nô các loại	Chiếc	59
4	Tàu TKCN	Chiếc	24
5	Tàu Vận tải biển	Chiếc	1
6	Tàu CN-09	Chiếc	1
7	Xuồng Cao tốc ST 660	Chiếc	5
8	Xuồng Cao tốc ST 750	Chiếc	2
9	Xuồng ST 1200	Chiếc	3
10	Xuồng CN-01	Chiếc	2
11	Xuồng cao tốc ST 450 (Không máy)	Chiếc	8
12	Xuồng cao su ST 420 (Không máy)	Chiếc	2
13	Xuồng cao su ST 220 (Không máy)	Chiếc	2
14	Xuồng VSN 1500 (Không máy)	Chiếc	71
15	Xuồng các loại khác	Chiếc	39
16	Thuyền nhôm các loại	Chiếc	167
17	Máy đẩy các loại	Chiếc	25
18	Nhà bạt 16,5 m2	Bộ	230
19	Nhà bạt 24,75 m2	Bộ	164
20	Nhà bạt 60 m2	Bộ	68
21	Phao tròn	Cái	11.211
22	Phao áo	Cái	11.713
23	Phao bè	Cái	156
24	Máy phát điện	Cái	177
25	Máy bơm chữa cháy	Cái	11
26	Thiết bị chữa cháy	Bộ	7
27	Tấm hút dầu	Tấm	300
28	Pháo hiệu	Cái	250
29	Máy cắt thực bì chữa cháy	Cái	4
30	Thiết bị đốt rác thải nhiễm dầu	Cái	1
31	Đèn cứu hộ, đèn pin	Cái	720
32	Máy ICOM	Chiếc	15
33	Loa cầm tay	Chiếc	162

Biểu 06: Kế hoạch sơ tán dân phòng, tránh bão trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2020)

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
	TỔNG CỘNG:	25.555	95.527	53.898	201.798	81.044	304.116			
I	Huyện Bình Sơn	7.593	26.420	25.059	91.326	25.059	91.326			
1	Xã Bình Minh	490	1.548	1.250	2.750	1.250	2.750	Ưu tiên bố trí	- Đội xung kích PCTT	- Chỉ huy hiện trường: đ/c
2	Xã Bình Hòa	145	525	700	2.825	700	2.825	xen ghép và tại	xã (40 - 50 người/ xã);	Đỗ Thiết Khiêm, Chủ tịch
3	Xã Bình Hiệp	303	1.209	303	1.209	303	1.209	Trường học,	- Các lực lượng huyện	UBND huyện, TB BCH
4	Xã Bình Tân Phú	796	2.849	1.154	3.986	1.154	3.986	UBND xã, Trạm	(Quần sự, Biên phòng,	PCIT và TKCN huyện -
5	Xã Bình Thạnh	200	754	3.499	13.858	3.499	13.858	Y tế xã	Công an): 60 người;	(SĐT: 0913.427.763)
6	Xã Bình Chánh	566	1.744	1.215	3.983	1.215	3.983		- Bộ Chỉ huy Bộ đội	- Phối hợp: đ/c Nguyễn
7	Xã Bình Thuận	1.594	5.223	2.000	8.191	2.000	8.191		Biên phòng tỉnh (120	Hữu Hồng - PGĐ Sở Xây
8	Xã Bình Trị	56	170	826	2.395	826	2.395		người), SĐT: 3820.469,	dựng (SĐT: 0913.447.135);
9	Xã Bình Thanh	179	727	900	3.170	900	3.170		Fax: 3714.321 (đối với	- Tại xã: Chủ tịch UBND
10	Xã Bình An	88	753	450	1.605	450	1.605		các xã ven biển);	các xã, thị trấn.
11	Xã Bình Khương	30	114	800	2.990	800	2.990		- Sư đoàn BB315/QK5	
12	Xã Bình Trung	95	321	767	2.987	767	2.987		(350 người), SĐT:	
13	Xã Bình Mỹ	458	1.691	248	708	248	708		715115 (đối với các xã	
14	Xã Bình Chương	95	440	850	3.400	850	3.400		đồng bằng)	
15	Xã Bình Long	85	265	700	2.450	700	2.450			
16	Xã Bình Nguyên	90	405	800	3.370	800	3.370			
17	Xã Bình Đông	215	856	700	2.950	700	2.950			
18	Xã Bình Phước	221	577	1.980	6.775	1.980	6.775			
19	Xã Bình Dương	244	602	760	2.078	760	2.078			
20	Xã Bình Hải	417	908	2.871	10.078	2.871	10.078			

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
21	Xã Bình Châu	500	2.100	950	4.350	950	4.350			
22	Thị trấn Châu Ô	726	2.639	1.336	5.218	1.336	5.218			
II	Huyện Sơn Tịnh	800	2.809	1.443	5.227	1.564	5.678			
1	Xã Tịnh Giang	62	206	81	288	81	288	Ưu tiên bố trí	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã);	- Chi huy hiện trường: đ/c Tạ Công Dũng, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.028.022)
2	Xã Tịnh Sơn	105	505	127	594	173	800	xen ghép và tại Trường học,	- Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người;	- Phối hợp: đ/c Nguyễn Hữu Thịnh - PGĐ Sở Tài chính (SĐT: 0913.427.920);
3	Xã Tịnh Hiệp	30	106	37	163	46	171	UBND xã, Trạm Y tế xã		- Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
4	Xã Tịnh Bình	16	62	95	385	120	491			
5	Xã Tịnh Bắc	93	346	289	1.013	289	1.013			
6	Xã Tịnh Trà	81	301	81	301	81	301			
7	Xã Tịnh Đông	193	663	193	663	193	663			
8	Xã Tịnh Minh	213	593	333	992	374	1.123			
10	Xã Tịnh Thọ			140	576	140	576			
11	Xã Tịnh Phong	7	27	67	252	67	252			
III	Huyện Tư Nghĩa					4.390	14.902			
1	Xã Nghĩa Hòa					1.486	4.881	Ưu tiên bố trí	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã);	- Chi huy hiện trường: đ/c Lê Trung Thành, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.017.225)
2	Thị trấn Sông Vệ					1.797	9.382	xen ghép và tại Trường học,	- Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người	- Phối hợp: đ/c Nguyễn Ngọc Trân - PGĐ Sở Thông tin và Truyền thông (SĐT: 0987.415.678);
3	Xã Nghĩa Điền					50	177	UBND xã, Trạm Y tế xã		- Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
4	Xã Nghĩa Mỹ					1.057	462			
IV	Huyện Nghĩa Hành	375	1.208	808	2.505	1.630	5.144			



TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
1	Xã Hành Tín Đông	50	173	54	173	102	342	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người; - Lữ đoàn CB7/QĐ3 (60 người), SDT: 734815 (TBTC); fax: 734821	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Đình Xuân Sâm, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0914.113.898) - Phối hợp: đ/c Lê Nhân - PGĐ Sở Giao thông vận tải (SDT: 0917.983.979); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Xã Hành Tín Tây	25	72	133	508	301	1.038			
3	Xã Hành Thiện			75	179	174	457			
4	Xã Hành Thịnh	47	185	50	185	114	352			
5	Xã Hành Phước			74	214	117	308			
6	Xã Hành Đức	139	488	145	518	145	518			
7	Xã Hành Trung	10	19	51	136	60	110			
8	Xã Hành Minh	33	83	59	151	67	193			
9	Xã Hành Dũng	35	75	35	93	70	154			
10	Xã Hành Nhân	19	55	57	176	306	1.056			
11	Xã Hành Thuận	7	28	48	110	92	320			
12	Thị Trấn Chợ Chùa	10	30	27	62	82	296			
V	Huyện Mộ Đức	3.893	13.814	7.751	29.608	17.059	67.341	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người; - Lữ đoàn BB10/QĐ3 (250 người), SDT: 738115	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Phạm Ngọc Lân, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0914.011.001) - Phối hợp: đ/c Phạm Minh Đức - PGĐ Sở Y tế (SDT: 0914.182.908); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
1	Xã Đức Phú	793	2.289	1.273	4.224	1.884	5.652			
2	Xã Đức Hòa	167	381	275	850	450	1.800			
3	Xã Đức Tân	157	627	227	908	967	3.860			
4	Xã Đức Phong	379	1.338	969	3.876	2.539	11.166			
5	Xã Đức Thắng	250	1.000	407	1.628	1.534	6.136			
6	Xã Đức Lợi	409	1.634	878	3.512	2.182	8.728			
7	Xã Đức Minh	280	1.120	576	2.355	1.656	6.997			
8	Xã Đức Nhuận	220	770	328	972	995	3.822			
9	Xã Đức Thạnh	533	2.132	835	3.351	1.324	5.068			
10	Xã Đức Hiệp	194	535	525	2.100	857	3.428			
11	Xã Đức Chánh	230	920	450	1.800	986	3.944			

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
12	Thị trấn Mộ Đức	145	580	348	1.392	660	2.640			
13	Xã Đức Lân	136	488	660	2.640	1.025	4.100			
VI	Thị xã Đức Phổ	2.616	9.954	3.560	13.403	4.516	16.446			
1	Phường Phổ Minh	471	1.613	556	1.777	651	2.009	Ưu tiên bố trí	- Đội xung kích PCTT	- Chỉ huy hiện trường: đ/c
2	Phường Phổ Văn	598	2.389	598	2.389	598	2.389	xen ghép và tại	xã (40 - 50 người/ xã);	Trần Phước Hiền, Chủ tịch
3	Xã Phổ Cường	59	174	59	174	59	174	Trường học,	- Các lực lượng huyện	UBND huyện, TB BCH
4	Xã Phổ An	75	166	173	325	230	690	UBND xã, Trạm	(Quân sự, Công an, Biên	PCTT và TKCN huyện
5	Xã Phổ Khánh	697	2.335	697	2.335	697	2.335	Y tế xã	phòng): 50 người;	(SDT: 0914.076.039)
6	Xã Phổ Châu	19	69	30	90	60	180		- Sư đoàn BB307/QK5	- Phối hợp: đ/c Nguyễn
7	Phường Phổ Quang	81	362	214	1.038	214	1.038		(120 người), SDT:	Xuân Bắc - PGĐ Sở Kế
8	Xã Phổ Nhơn	142	859	170	580	200	650		02553.855.021	hoạch và Đầu tư (SDT:
9	Phường Phổ Vinh	86	274	281	1.136	292	1.176		0914.120.317);	0914.120.317);
10	Xã Phổ Thuận	67	442	67	442	390	1.258			- Tại xã, phường: Chủ tịch
11	Xã Phổ Phong	58	216	58	216	200	600			UBND các xã, phường.
12	Phường Phổ Thạnh	189	809	447	2.180	573	2.755			
13	Phường Phổ Hòa			115	431	115	431			
14	Phường Phổ Ninh	74	246	95	290	130	440			
15	Phường Nguyễn					107	321			
	Nghiêm									
VII	Huyện Trà Bồng	3.983	17.978	4.313	17.196	4.399	16.740			
1	Xã Trà Hiệp			449	2.012	449	2.012	Ưu tiên bố trí	- Đội xung kích PCTT	- Chỉ huy hiện trường: đ/c
2	Xã Trà Lâm			433	1.987	433	1.987	xen ghép và tại	xã (40 - 50 người/ xã);	Trần Anh Ngọc, Chủ tịch
3	TT Trà Xuân	72	210	411	1.486	665	1.365	Trường học,	- Các lực lượng huyện	UBND huyện, TB BCH
4	Xã Trà Bùi	58	247	58	247	58	247	UBND xã, Trạm	(Quân sự, Công an): 50	PCTT và TKCN huyện
								Y tế xã	người;	(SDT: 0914.226.744)

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
5	Xã Trà Tân			30	101	30	101			- Phối hợp: đ/c Ngô Văn Việt - PGĐ Công an tỉnh (SĐT: 0913.454.842); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
6	Xã Trà Giang	125	492	125	492	125	492			
7	Xã Trà Bình	94	331	304	912	0	0			
8	Xã Trà Sơn	86	359	0	0	0	0			
9	Xã Trà Thủy	140	563	715	2803	715	2803			
10	Xã Trà Phong	918	4.605	350	1.300	200	800			
11	Xã Trà Tây	528	2.577	440	2.549	450	2.589			
12	Xã Hương Trà	749	3.914	293	866	333	1.173			
13	Xã Sơn Trà	411	2.141	305	1.003	574	1.965			
14	Xã Trà Thanh	393	2.126	300	938	300	938			
15	Xã Trà Xanh	409	413	100	500	67	268			
XIII	Huyện Sơn Hà	2.192	6.845	3.859	13.287	5.441	20.572			
1	Xã Sơn Giang	0	0	105	289	128	431			- Chỉ huy hiện trường: đ/c Đinh Thị Thanh Hương, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.460.509)
2	Xã Sơn Ba	64	269	64	269	64	269			- Phối hợp: đ/c Nguyễn Đức Trung - PGĐ Sở Tài nguyên và Môi trường (SĐT: 0914.434.665); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
3	Xã Sơn Hạ	91	364	109	422	1.055	4.807			
4	Xã Sơn Thủy	33	132	33	132	33	132			
5	Xã Sơn Nham	0	0	170	599	170	599			
6	Xã Sơn Thành	2.004	6.080	2.004	6.080	2.004	6.080			
7	Xã Sơn Cao	0	0	628	2.950	628	2.950			
8	Xã Sơn Thượng	0	0	242	882	855	3.640			
9	Xã Sơn trung	0	0	449	1.439	449	1.439			
10	Thị trấn Di Lăng	0	0	55	225	55	225			
IX	Huyện Sơn Tây	68	277	68	277	68	277			

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
1	Xã Sơn Tân	37	154	37	154	37	154	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quần sự, Công an): 40 người;	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Đình Quang Ven, Q.Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914 216 921). - Phối hợp: đ/c Nguyễn Đức Huy - PGĐ Sở Công Thương (SĐT: 0916.009.768); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
2	Xã Sơn Màu	16	60	16	60	16	60			
3	Xã Sơn Lập	15	63	15	63	15	63			
X	Huyện Minh Long	150	415	1.404	5.436	1.404	5.436			
1	Xã Long Môn	28	91	296	1.210	296	1.210	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã) - Các lực lượng huyện (Quần sự, Công an): 40 người;	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Võ Đình Tiến, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.740.891). - Phối hợp: đ/c Trần Sỹ - PGĐ Sở Giáo dục và Đào tạo (SĐT: 0913.427.605); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
2	Xã Thanh An	47	140	47	140	47	140			
3	Xã Long Sơn	75	184	1.061	4.086	1.061	4.086			
XI	Huyện Ba Tư	587	2.057	616	2.173	1.850	6.612			
1	Xã Ba Động	31	64	41	106	48	149	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã) - Các lực lượng huyện (Quần sự, Công an): 40 người;	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Phạm Giang Nam, Phó Chủ tịch UBND huyện, PTB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0913.418.400).
2	Xã Ba Khâm	224	737	224	737	224	737			
3	Xã Ba Tiêu					665	2481			
4	Xã Ba Nam	25	110	25	110	25	110			
5	Xã Ba Vinh	24	95	24	95	24	95			

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
6	Xã Ba Liên	15	47	15	47	15	47			- Phối hợp: đ/c Võ Văn Bá, Chi huy trưởng BCH Quận sự tỉnh (SDT: 0905.336.625); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
7	Xã Ba Ngạc					106	361			
8	Xã Ba Giang	26	92	26	92	26	92			
9	Xã Ba Thành	40	156	40	156	40	156			
10	Xã Ba Vi	51	197	51	197	51	197			
11	Xã Ba Điền	26	70	45	144	45	144			
12	Thị trấn Ba Tư	100	407	100	407	100	407			
13	Xã Ba Đình	25	82	25	82	25	82			
14	Xã Ba Tô					456	1554			
XII	Huyện Lý Sơn	138	522	287	1.105	2.828	11.989			
1	Các thôn An Vĩnh	138	522	200	743	1.380	6.130	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, Khách sạn, trụ sở cơ quan	- Đội xung kích PCTT (50 người) - Các lực lượng huyện (Quần sự, Công an, Biên phòng): 50 người; - Cảnh sát biển 2 (40 người): SDT: 714815, Fax: 714816;	- Chi huy hiện trường: đ/c Nguyễn Quốc Việt, Chủ tịch UBND huyện, Chủ BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0905.012.579). - Phối hợp: đ/c Phùng Đình Toàn, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản (SDT: 0914.011.503).
2	Các thôn An Hải			80	320	1.308	5.315			
3	Thôn Bắc An Bình			7	42	140	544			
XIII	TP Quảng Ngãi	3.160	13.228	4.730	20.255	10.836	41.653			
1	Xã Tịnh An	13	23	135	384	162	432	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT (50 người) - Các lực lượng huyện (Quần sự, Công an, Biên phòng): 50 người; - Bộ tư lệnh Vùng 3 Hải Quân (50 người) SDT: 778245; Fax: 778307; - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 400 người (SDT:	- Chi huy hiện trường: đ/c Phạm Tấn Hoàng, Chủ tịch UBND thành phố, TB BCH PCTT và TKCN thành phố (SDT: 0914.091.149). - Phối hợp: đ/c Lê Thanh Hiên, Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ (SDT: 0905.113.989).
2	Xã Tịnh Long	14	43	117	401	117	401			
3	Xã Nghĩa Phú	97	424	97	424	97	424			
4	Xã Nghĩa An	22	104	75	310	400	1.884			
5	Xã Nghĩa Đông	117	415	133	568	8	34			
6	Xã Tịnh An Tây	189	740	209	796	288	1.117			
7	Xã Tịnh Hòa	82	292	174	472	174	472			
8	Xã Nghĩa Hà									

TT	Địa điểm	Cấp độ 3 (cấp 10 - 11)		Cấp độ 4 (cấp 12 - 15)		Cấp độ 5 (Siêu bão)		Nơi đến	Lực lượng ứng phó 3822.738)	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
9	Phường Quảng Phú	91	372	186	699	2.769	8.307			
10	P. Trương Quang Trọng	1.558	6.876	1.558	6.876	1.558	6.876			
11	Xã Tịnh Kỳ	500	2.000	219	1.850	2.219	10.850			
12	Xã Tịnh Thiện	390	1.668	1.385	5.954	1.564	6.758			
13	Xã Tịnh Châu	82	254	82	254	82	254			
14	Xã Tịnh Khê			100	341	100	341			
15	Phường Trần Phú	5	17	15	45	15	45			
16	Phường Lê Hồng Phong			51	185	51	185			
17	Xã Nghĩa Dũng			104	307	665	1.195			
18	P. Trần Hưng Đạo			42	167	42	167			
19	Xã Tịnh An Đông					477	1.689			
20	Phường Chánh Lộ			48	222	48	222			

Biểu 07: Kế hoạch di dời, sơ tán dân khi có lũ, lụt xảy ra
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2020)

TT	Địa điểm	BD3		BD3+ 1m		BD3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
	TỔNG CỘNG:	2.443	9.456	15.990	57.722	27.075	100.562	33.153	123.630			
A	Lưu vực sông Vệ	410	1.608	5.489	20.104	15.375	57.836	16.067	60.105			
I	Huyện Ba Tư	4	13	11	33	12	37	12	37			
1	Xã Ba Động	4	13	11	33	12	37	12	37	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	Đội xung kích PCTT xã (40 người)	- Chi huy hiện trường: đ/c Phạm Giang Nam, Phó Chủ tịch UBND huyện. PTB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0913.418.400). - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
II	Huyện Mộ Đức			2.603	10.004	9.201	36.297	9.201	36.297			
1	Xã Đức Phú			347	1.388	1.215	4.579	1.215	4.579	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người; - Lữ đoàn BB10/QĐ3 (250 người), SĐT: 738115	- Chi huy hiện trường: đ/c Phạm Ngọc Lân, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.011.001) - Phối hợp: đ/c Phạm Minh Đức - PGĐ Sở Y tế (SĐT: 0914.182.908); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
2	Xã Đức Hòa			409	1.636	1.292	5.165	1.292	5.165			
3	Xã Đức Tân			195	456	702	2.808	702	2.808			
4	Xã Đức Phong			120	480	620	2.480	620	2.480			
5	Xã Đức Thắng			225	900	783	3.132	783	3.132			
6	Xã Đức Lợi			227	908	763	2.854	763	2.854			
7	Xã Đức Nhuận			115	402	688	2.752	688	2.752			
8	Xã Đức Thạnh			174	682	760	3.040	760	3.040			
9	Xã Đức Hiệp			525	2.100	860	3.440	860	3.440			

TT	Địa điểm	BD3		BD3+1m		BD3+2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
10	Xã Đức Chánh			131	524	610	2.440	610	2.440			UBND các xã, thị trấn.
11	Thị trấn Mộ Đức			82	334	265	1.035	265	1.035			
12	Xã Đức Lân			53	194	643	2.572	643	2.572			
III	Huyện Nghĩa Hành	128	528	780	2.264	1.695	4.682	2.387	6.951			
1	Hành Tín Đông	25	67	70	187	150	450	191	592	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quản sự, Công an): 40 người; - Lữ đoàn CB7/QĐ3 (60 người). SĐT: 734815 (TBTC); fax: 734821	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Đinh Xuân Sâm, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.113.898) - Phối hợp: đ/c Lê Nhân - PGĐ Sở Giao thông vận tải (SĐT: 0917.983.979); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Hành Tín Tây	35	85	87	174	132	348	294	1.045			
3	Hành Thiện			73	192	73	192	135	370			
4	Hành Thịnh			78	295	147	370	249	500			
5	Hành Phước			26	70	193	479	232	521			
6	Hành Đức	40	135	98	322	139	484	145	518			
7	Hành Trung			15	32	43	98	62	165			
8	Hành Minh			55	145	235	601	301	758			
9	Hành Dũng			62	152	271	677	301	744			
10	Hành Nhân			55	186	130	369	198	732			
11	Hành Thuận	28	241	103	379	122	461	177	741			
12	Thị trấn Chợ Chùa			58	130	60	153	102	265			
IV	Huyện Tư Nghĩa	278	1.067	2.095	7.803	4.467	16.820	4.467	16.820			
1	Thị trấn Sông Vệ			715	2.265	715	2.265	715	2.265	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quản sự, Công an): 40	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Lê Trung Thành, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN
2	Xã Nghĩa Điện	20	77	117	472	303	1.226	303	1.226			

TT	Địa điểm	BD3		BD3+ 1m		BD3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
3	Xã Nghĩa Hiệp	183	730	1.216	4.863	2.175	8.701	2.175	8.701		người; - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 200 người (SDT: 3822.738)	huyện (SDT: 0914.017.225) - Phối hợp: đ/c Nguyễn Ngọc Trần - PGĐ Sở Thông tin và Truyền thông (SDT: 0987.415.678); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
4	Xã Nghĩa Hòa			47	203	162	684	162	684			
5	Xã Nghĩa Mỹ					89	286	89	286			
6	Xã Nghĩa Thương					1.023	3.658	1.023	3.658			
7	Xã Nghĩa Sơn	75	260	75	260	75	260	75	260			
B	LV sông Trà Bông	122	464	5.443	19.327	5.443	19.327	8.847	32.112			
I	Huyện Trà Bông	122	464	122	464	122	464	122	464			
1	Xã Trà Bình	51	207	51	207	51	207	51	207	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 50 người;	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Trần Anh Ngọc, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SDT: 0914.226.744) - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
2	Xã Trà Phú	71	257	71	257	71	257	71	257			
II	Huyện Bình Sơn			5.321	18.863	5.321	18.863	8.725	31.648			
1	Xã Bình Minh			802	3.216	802	3.216	2.100	8.548	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã,	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Đỗ Thiệt Khiêm, Chủ tịch UBND
2	Bình Hòa			33	118	33	118	156	502			
3	Bình Hiệp			303	1.209	303	1.209	303	1.209			

TT	Địa điểm	BD3		BD3+ 1m		BD3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ			
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu						
4	Bình Tân Phú			896	2.849	896	2.849	939	3.765	Trạm Y tế xã	huyện (Quản sự, Biên phòng, Công an): 60 người; - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (120 người), SDT: 3820.469, Fax: 3714.321 (đối với các xã ven biển); - Sư đoàn BB315/QK5 (350 người), SDT: 715115 (đối với các xã đồng bằng)	huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện - (SDT: 0913.427.763) - Phối hợp: đ/c Nguyễn Hữu Hồng - PGĐ Sở Xây dựng (SDT: 0913.447.135); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.			
5	Bình Thạnh			103	304	103	304	609	2.414						
6	Bình Chánh			273	878	273	878	484	1.593						
7	Bình Thuận			98	490	98	490	150	500						
8	Bình Trị			50	250	50	250	90	365						
9	Bình Thanh			50	235	50	235	60	210						
10	Bình An			24	117	24	117	68	268						
11	Bình Khương			56	170	56	170	56	170						
12	Bình Trung			119	443	119	443	442	1.428						
13	Bình Mỹ			844	2.782	844	2.782	308	975						
14	Bình Chương			450	1.820	450	1.820	350	1.445						
15	Bình Long			55	163	55	163	54	183						
16	Bình Nguyễn			45	170	45	170	200	815						
17	Bình Đông			70	314	70	314	810	2.738						
18	Bình Phước			54	212	54	212	75	49						
19	Bình Dương			245	715	245	715	506	1.140						
20	Bình Hải			70	350	70	350	100	450						
21	Bình Châu			80	260	80	260	120	550						
22	Thị Trấn Châu Ô			601	1.798	601	1.798	745	2.331						
C	LV sông Trà Cầu	689	2.455	1.063	3.662	1.155	4.116	1.748	6.122						
I	Thị xã Đức Phổ	689	2.455	1.063	3.662	1.155	4.116	1.748	6.122						
1	Phường Phò Minh	128	398	253	780	233	786	447	1.395				Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học,	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã);	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Trần Phước Hiền, Chủ
2	Phường Phò Văn	386	1.543	502	2.006	598	2.399	598	2.399						

TT	Địa điểm	BD3		BD3+1m		BD3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
3	Xã Phò Châu	26	109	26	109	26	109	26	109	UBND xã, Trạm Y tế xã	- Các lực lượng huyện (Quản sự, Công an, Biên phòng): 50 người; - Sư đoàn BB307/QK5 (120 người), SĐT: 02553.855.021	tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.076.039) - Phối hợp: đ/c Nguyễn Xuân Bắc - PGĐ Sở Kế hoạch và Đầu tư (SĐT: 0914.120.317); - Tại xã, phường: Chủ tịch UBND các xã, phường.
4	Phường Phò Quang	12	48	28	123	36	152	149	626			
5	Phường Phò Vinh	31	145	74	186	82	212	85	222			
6	Phường Phò Ninh			74	246	74	246	74	246			
7	Phường Phò Hòa	106	212	106	212	106	212	369	1.125			
8	Xã Phò An			3	6	3	6	161	531			
9	Phường Nguyễn Nghiêm			9	35	9	35	33	130			
10	Xã Phò Nhon			25	176	25	176	142	859			
11	Xã Phò Khánh			146	584	146	584	146	584			
12	Phường Phò Thanh							148	679			
13	Xã Phò Cường							59	174			
14	Xã Phò Phong							196	783			
D	LV sông Trà Khúc	1.222	4.929	3.995	14.629	5.102	19.283	6.491	25.291			
I	Huyện Sơn Tịnh	828	3.083	1.134	4.018	1.613	6.225	1.688	7.804			
1	Xã Tịnh Giang	24	93	36	105	52	203	74	286	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quản sự, Công an): 40 người; - Sư đoàn BB315/QK5 (350	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Tạ Công Dũng, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.028.022) - Phối hợp: đ/c
2	Xã Tịnh Đông	235	848	235	848	235	848	235	848			
3	Xã Tịnh Minh	109	237	109	237	109	237	109	237			
4	Xã Tịnh Bắc	93	344	289	1.013	289	1.013	289	1.013			
5	Xã Tịnh Sơn	105	503	127	595	135	627	174	816			
6	Xã Tịnh Hà	46	229	77	345	524	2.376	532	3.660			

TƯ
HUY
CHỖ
N TAJ
KIỂM
NAN

TT	Địa điểm	BD3		BD3+ 1m		BD3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
7	Xã Tịnh Hiệp											Nguyễn Hữu Thịnh - PGĐ Sở Tài chính (SĐT: 0913.427.920); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
8	Xã Tịnh Trà	87	328	87	328	87	328	87	328			
9	Xã Tịnh Bình											
10	Xã Tịnh Thọ	108	415	145	444	145	444	145	444			
11	Xã Tịnh Phong	21	86	29	103	37	149	43	172			
II	TP. Quảng Ngãi	394	1.846	1.537	5.890	2.081	7.983	3.395	12.412			
1	Xã Tịnh An	13	23	124	341	150	389	150	389			
2	Xã Nghĩa An	22	104	32	146	66	298	66	298			
3	Xã Tịnh Long	46	159	46	159	26	83	26	83			
4	Xã Tịnh Khê							180	694			
5	Xã Tịnh Thiện							286	1.211			
6	Xã Nghĩa Dũng					230	742	480	1.059			
7	Xã Nghĩa Đông	28	75	6	18	48	161	88	410			
8	P. Trương Quang Trọng	285	1.485	684	2.968	684	2.968	684	2.968			
9	Xã Tịnh Ân Đông							477	1.689			
10	Xã Tịnh Ân Tây			153	608	153	608	153	608			
11	Xã Nghĩa Hà			147	442	147	442	147	442			
12	P. Nghĩa Chánh					74	269	145	510			
13	Xã Tịnh Thiện			165	712	165	712	165	712			
14	Xã Tịnh Châu			113	369	113	369	113	369			
15	Xã Nghĩa Phú			67	127	94	431	94	431			
16	P. Trần Phú					5	17	15	45			
17	P. Lê Hồng Phong					126	494	126	494			

TT	Địa điểm	BĐ3		BĐ3+ 1m		BĐ3 + 2m		Lịch sử		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy/ chức vụ
		Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu			
III	Huyện Sơn Hà			1324	4721	1408	5075	1408	5075			
1	Xã Sơn Bao			2	7	2	7	2	7	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quán sự, Công an): 50 người; - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 300 người (sdt: 3822.738)	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Đinh Thị Thanh Hương, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.460.509) - Phối hợp: đ/c Nguyễn Đức Trung - PGĐ Sở Tài nguyên và Môi trường (SĐT: 0914.434.665); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Xã Sơn Hải			32	110	32	110	32	110			
3	Xã Sơn Kỳ			9	36	9	36	9	36			
4	Xã Sơn Giang			140	461	212	762	212	762			
5	Xã Sơn Linh			606	2.060	606	2.060	606	2.060			
6	Xã Sơn Trung			67	265	67	265	67	265			
7	Xã Sơn Nham			147	507	147	507	147	507			
8	Xã Sơn Ba			24	76	24	76	24	76			
9	Xã Di Lăng			246	997	246	997	246	997			
10	Xã Sơn Hạ			4	8	16	61	16	61			
11	Xã Sơn Thủy			47	194	47	194	47	194			

Biểu 08: Kế hoạch di dời, sơ tán dân phòng tránh sạt lở đất
(Kèm theo Phương án UPTT và TKCN tỉnh Quảng Ngãi năm 2020)

TT	Địa điểm	Số dân cần di dời		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy
		Hộ	Khẩu			
TỔNG CỘNG		3.046	11.539			
I	Huyện Minh Long	4	14			
1	Xã Long Mai	4	14	Xen ghép	Đội xung kích PCTT xã 40 người	Chỉ huy: đ/c Võ Đình Tiến, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.740.891). - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
II	Huyện Ba Tơ	569	2.223			
1	Xã Ba Đông	41	147	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã) - Các lực lượng huyện (Quản sự, Công an): 40 người; - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 300 người (sdt: 3822.738)	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Phạm Giang Nam, Phó Chủ tịch UBND huyện, PTB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0913.418.400). - Phối hợp: đ/c Võ Văn Bá, Chỉ huy trưởng BCH Quân sự tỉnh (SĐT: 0905.336.625); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
2	Xã Ba Bích	32	120			
3	Xã Ba Khâm	60	197			
4	Xã Ba Tiêu	21	72			
5	Xã Ba Nam	8	32			
6	Xã Ba Lê	91	359			
7	Xã Ba Vinh	77	302			
8	Xã Ba Liên	15	47			
9	Xã Ba Ngạc	83	316			
10	Xã Ba Giang	19	97			
11	Xã Ba Thành	22	83			
12	Xã Ba Cung	23	79			
13	Xã Ba Trang	12	45			
14	Xã Ba Xa	4	13			
15	Xã Ba Điền	28	109			
16	Thị trấn Ba Tơ	10	36			
17	Xã Ba Dinh	1	62			
18	Xã Ba Tô	22	107			
III	Huyện Trà Bồng	446	1.618			
1	Xã Trà Sơn	25	106	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quản sự,	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Trần Anh Ngọc, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.226.744)
2	Xã Trà Hiệp	55	268			
3	Xã Trà Thủy	0	0			



TT	Địa điểm	Số dân cần di dời		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy
		Hộ	Khẩu			
4	Xã Trà Lâm	59	224		Công an): 50 người; - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 400 người (sdt: 3822.738)	- Phối hợp: đ/c Ngô Văn Việt - PGĐ Công an tỉnh (SĐT: 0913.454.842); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
5	Xã Trà Bù	35	172			
6	Xã Trà Giang	16	69			
7	Xã Trà Phong	161	605			
8	Xã Trà Thanh	57	7			
9	Xã Trà Xinh	7	33			
10	Xã Trà Khê	31	134			
IV	Huyện Sơn Tây	352	1.381			
1	Xã Sơn Dung	138	543	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 40 người;	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Đinh Quang Ven, Q.Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914 216 921). - Phối hợp: đ/c Nguyễn Đức Huy - PGĐ Sở Công Thương (SĐT: 0916.009.768); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã.
2	Xã Sơn Long	43	172			
3	Xã Sơn Liên	59	247			
4	Xã Sơn Bua	54	209			
5	Xã Sơn Mùa	12	29			
6	Xã Sơn Tinh	46	181			
V	Huyện Sơn Hà	347	1.467			
1	Xã Sơn Thành	94	319	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã); - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an): 50 người;	- Chỉ huy hiện trường: đ/c Đinh Thị Thanh Hương, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.460.509) - Phối hợp: đ/c Nguyễn Đức Trung - PGĐ Sở Tài nguyên và Môi trường (SĐT: 0914.434.665); - Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
2	Xã Sơn Kỳ	6	22			
3	Xã Sơn Thượng	28	120			
4	Xã Sơn Ba	55	202			
5	Xã Di Lăng	60	385			
6	Xã Sơn Cao	12	50			
7	Xã Sơn Giang	32	105			
8	Xã Sơn Bao	20	96			
9	Xã Sơn Hạ	7	27			
10	Xã Sơn Nham	25	106			
11	Xã Sơn Trung	5	23			
11	Xã Sơn Thủy	3	12			
VII	Huyện Lý Sơn	95	350			

TỈNH QUẢNG NGÃI
HUYỆN MỘ ĐỨC
KIỂM TRA

TT	Địa điểm	Số dân cần di dời		Nơi đến	Lực lượng ứng phó	Người chỉ huy
		Hộ	Khẩu			
	Thôn Đông An Hải Khu 773	95	350	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, Khách sạn, trụ sở cơ quan	- Đội xung kích PCTT (50 người) - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người;	- Chi huy hiện trường: đ/c Nguyễn Quốc Việt, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0905.012.579). - Phối hợp: đ/c Phùng Đình Toàn, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản (SĐT: 0914.011.503).
VII	TP. Quảng Ngãi	176	607			
1	Xã Nghĩa An	25	117			
2	Xã Tịnh Khê	100	320	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT (50 người) - Các lực lượng huyện (Quân sự, Công an, Biên phòng): 50 người;	- Chi huy hiện trường: đ/c Phạm Tấn Hoàng, Chủ tịch UBND thành phố, TB BCH PCTT và TKCN thành phố (SĐT: 0914.091.149). - Tại xã, phường: Chủ tịch UBND các xã, phường.
3	Xã Tịnh An	22	70			
4	Xã Tịnh Ấn Đông	18	59			
5	P. Trương Quang Trọng	11	41			
VIII	Huyện Mộ Đức	115	460			
1	Xã Đức Phú	15	60	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã);	- Chi huy hiện trường: đ/c Phạm Ngọc Lân, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0914.011.001)
2	Xã Đức Thắng	10	40			
3	Xã Đức Lợi	85	340			
4	Xã Đức Chánh	5	20			
IX	Huyện Bình Sơn	942	3419			
1	Xã Bình Tân Phú	286	1158			
2	Xã Bình Trị	15	50			
3	Xã Bình Mỹ	154	476			
4	Xã Bình Phước	17	46			
5	Xã Bình Thạnh	99	373	Ưu tiên bố trí xen ghép và tại Trường học, UBND xã, Trạm Y tế xã	- Đội xung kích PCTT xã (40 - 50 người/ xã);	- Chi huy hiện trường: đ/c Đỗ Thiết Khiêm, Chủ tịch UBND huyện, TB BCH PCTT và TKCN huyện (SĐT: 0913.427.763)
6	Xã Bình Hòa	63	220			- Phối hợp: đ/c Nguyễn Hữu Hồng - PGĐ Sở Xây dựng (SĐT: 0913.447.135);
7	Xã Bình Thuận	82	300			- Tại xã: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.
8	Xã Bình Hải	217	763			
9	Thị trấn Châu Ổ	9	33			